

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12-3-2019.

V/v: “Ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th
và anh Lê Văn T”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Minh Tâm;
2. Ông Lê Văn Mút.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về yêu cầu “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1980;
Nơi cư trú: ấp TH, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.
2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1980;
Nơi cư trú: ấp TH, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.
Chị Th, anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2018 và trong quá trình tố tụng chị Th trình bày:

Chị và anh T kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thanh Phong cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/03/2001. Chị và anh T có

02 con chung là Lê Thị Huyền T, sinh ngày 10/01/2002 và Lê Thị Tú Tr, sinh ngày 30/10/2010.

Thời gian đầu anh, chị sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2014 hai bên phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống. Anh T thường xuyên uống rượu say sưa và đánh đập chị T, chị có nhờ chính quyền địa phương can thiệp, giải quyết nhưng anh T không thay đổi. Ngày 15/02/2017, anh T đánh chị và dùng dao hành hung chị làm chị bị thương nhẹ ở tay. Chị đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống một thời gian. Anh T đã năn nỉ để hàn gắn và chị cho anh T cơ hội nhiều lần nhưng đến nay anh T không thay đổi mà vẫn chứng nào tật nấy. Chị và anh T ly thân hơn 04 năm nay và chị đã về nhà mẹ ruột cất nhà riêng sinh sống làm ăn.

Từ đó đến nay chị và anh T không liên lạc với nhau, không ai còn quan tâm ai. Chị nhận thấy không có anh T bên cạnh chị sống rất tốt và thanh thản. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh T;

- Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thị Huyền T, sinh ngày 10/01/2002 và Lê Thị Tú Tr, sinh ngày 30/10/2010. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Tú Tr, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; chị đồng ý giao con chung là Lê Thị Huyền T cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo nội dung bản tự khai đề ngày 02/01/2019 và trong quá trình tố tụng anh T trình bày:

Anh và chị Th kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TP cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/03/2001. Anh và chị T có 02 con chung là Lê Thị Huyền T, sinh ngày 10/01/2002 và Lê Thị Tú Tr, sinh ngày 30/10/2010.

Thời gian đầu hai bên sống chung hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn do hai bên hiểu lầm nhau nhiều vấn đề. Cách nay 04 năm, anh có bạo hành chị Th làm chảy máu trên mặt chị Th. Gia đình đã đưa chị Th đi trạm y tế để băng bó. Từ hơn 04 năm nay hai bên đã ly thân với nhau, không ai quan tâm ai. Tuy vợ chồng sống chung cùng một nhà nhưng không quan tâm chăm sóc nhau. Anh T nghĩ rằng, chị Th phát sinh tình cảm với người khác nên anh ghen và có bạo hành với chị Th. Hiện nay, chị Th xây nhà riêng ở ấp Thạnh Phước, xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Chị Th về nhà riêng ở hơn 01 tháng nay và không

còn liên lạc với anh nữa.

Nay chị Th yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, do anh còn thương vợ, thương con. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th thì anh tôn trọng nguyện vọng của các con. Nếu con chung muốn sống với anh thì anh đồng ý nuôi dưỡng và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Ngược lại, nếu con chung có nguyện vọng sống chung với chị Th thì anh cũng đồng ý và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 177, 227, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Th đối với anh Lê Văn T;

- Về con chung: Chị Th được trực tiếp nuôi con chung là Lê Thị Tú Trinh, sinh ngày 03/10/2010; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Anh T được trực tiếp nuôi con chung là Lê Thị Huyền Trang, sinh ngày 10/01/2002; chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu

- Về tài sản chung: Chị Th, anh T không yêu cầu nên không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Th, anh T trình bày không có nên không xem xét.
- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Chị Th, anh T không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th thì anh Lê Văn T có đăng ký hộ khẩu và có sinh sống tại ấp Thanh Hòa, xã Thanh Phong, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Th và anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Th, anh T.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Văn T cưới nhau vào năm 2009. Chị Th và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phong, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre vào năm 2001 là hôn nhân hợp pháp. Anh, chị có 02 con chung là Lê Thị Huyền Trang, sinh ngày 10/01/2002 và Lê Thị Tú Trinh, sinh ngày 30/10/2010. Thời gian đầu, anh, chị sống chung hạnh phúc nhưng về sau hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hai bên cũng có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả dẫn đến việc ly thân hơn 04 năm nay. Trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm. Hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình. Từ khi ly thân, hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ thông qua địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh T thì tình trạng hôn nhân hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống và sinh hoạt. Anh T không lo làm ăn, chăm sóc gia đình mà còn say sìn, bạo hành chị Th. Xác định anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng. Đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Th là có cơ sở, phù hợp tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về con chung: Chị Th và anh T có 02 con chung là Lê Thị Huyền T,

sinh ngày 10/01/2002 và Lê Thị Tú Tr, sinh ngày 30/10/2010. Xét thấy, tại thời điểm xét xử vụ án, các con chung đã đủ trên 7 tuổi; tại biên bản lấy ý kiến con chung vào ngày 02/01/2019, cháu Lê Thị Huyền T có nguyện vọng sống chung với anh T; cháu Lê Thị Tú Tr có nguyện vọng sống chung chị Th. Nguyên vọng này được chị Th, anh T đồng ý và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, anh T và chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Chị Th, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét về tài sản chung: Chị Th, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị Th, anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Th phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo qui định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Chị Th, anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Lê Thị Tú Tr, sinh ngày 30/10/2010; Anh Lê Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng Lê Thị Huyền Trang, sinh ngày 10/01/2002. Chị Th, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu.

Chị Th, anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

4. Về tài sản chung: Chị Th, anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Th, anh T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0021521 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- UBND xã TP, huyện Thanh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương